

**CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU HÙNG HẬU**

**BÁO CÁO QUỸ BÌNH ỔN GIÁ  
XĂNG DẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08.2022/HHD-QBO

Long An, ngày 14 tháng 09 năm 2022

V/v Báo cáo Quỹ bình ổn giá xăng dầu  
tháng 08/2022

**Kính gửi: - Bộ Tài Chính – Cục Quản Lý Giá;**

**- Bộ Công Thương – Vụ Thị Trường Trong Nước.**

- Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thực hiện Thông tư số 103/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Công Ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu gửi Báo cáo tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu (đính kèm).

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/08/2022 đến ngày 31/08/2022.

Công Ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu xin chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của Quỹ bình ổn giá xăng dầu mà chúng tôi đã báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU HÙNG HẬU**

**Tổng Giám đốc**



**HUYNH TRÍ CƯỜNG**

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Đào Thùy Dương.
- Địa chỉ đơn vị thực hiện báo cáo: Số 38 Đường Tuyến Vòng Tránh, QL1A, Phường 6, TP.Tân An, Tỉnh Long An.
- Số điện thoại liên lạc: 0961.703.333.
- Email: duongdt@hpetro.vn.

Long An, ngày 14 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO VỀ QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

(Kèm theo Công văn số 08.2022/HHD-QBO ngày 14 tháng 09 năm 2022  
của Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu)

1. Bảng tổng hợp tình hình thực hiện trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu (Quỹ BOG) trong kỳ báo cáo tháng 04/2022 của Công Ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu

| STT | Mặt hàng                                                               | Tổng sản lượng xăng, dầu trích lập Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng sản lượng xăng, dầu chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng số tiền trích lập Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Tổng số tiền sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG dương (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm (đồng) | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ/cuối kỳ (đồng) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| (a) | (b)                                                                    | (c)                                                          | (d)                                                            | (đ)                                            | (e)                                          | (g)                                           | (h)                                        | (i)                                 |
| I   | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ (Số dư Quỹ BOG cuối kỳ trước liên kế chuyển sang) |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| II  | Tổng phát sinh trong kỳ = 1 + 2 +... +8                                | 1.381.000                                                    |                                                                | 642.150.000                                    |                                              | 1.238                                         | 132.000                                    | 642.019.238                         |
| 1   | Xăng Ron 95                                                            |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| 2   | Xăng E5 Ron 92                                                         |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| 3   | Dầu diesel 0,05S                                                       | 1.381.000                                                    |                                                                | 642.150.000                                    |                                              | 1.238                                         | 132.000                                    | 642.019.238                         |
| 4   | Dầu diesel 0,001S                                                      |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |

| STT | Mặt hàng                                            | Tổng sản lượng xăng, dầu trích lập Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng sản lượng xăng, dầu chi sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (lit,kg) | Tổng số tiền trích lập Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Tổng số tiền sử dụng Quỹ BOG trong kỳ (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG dương (đồng) | Lãi phát sinh trên số dư Quỹ BOG âm (đồng) | Số dư Quỹ BOG đầu kỳ/cuối kỳ (đồng) |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| (a) | (b)                                                 | (c)                                                          | (d)                                                            | (đ)                                            | (e)                                          | (g)                                           | (h)                                        | (i)                                 |
| 5   | Dầu hỏa                                             |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| 6   | Dầu ma dút 3,5S                                     |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| 7   | Dầu ma dút 3,0S                                     |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| 8   | Các mặt hàng xăng, dầu khác (nếu có)                |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            |                                     |
| III | Số dư Quỹ BOG cuối kỳ = (l) + (đ) - (e) + (g) - (h) |                                                              |                                                                |                                                |                                              |                                               |                                            | 238.452.782                         |

2. Công ty TNHH Xăng Dầu Hùng Hậu gửi kèm theo bảng sao kê tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu của đơn vị tại ngân hàng trong kỳ báo cáo.



## SỔ PHỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN/ACCOUNT STATEMENT

Ngày tạo/Date: 05-09-2022 19:06:28

Số tài khoản/Account Number: 060274494551  
Chủ tài khoản/Account Holder Name: CÔNG TY TNHH XANG DAU HUNG HAU  
Từ ngày/From date: 01-08-2022  
Đến ngày/To date: 31-08-2022  
Số dư đầu kỳ/Opening Balance: 72.889.544  
Số dư cuối kỳ/Closing Balance: 72.758.782  
Mã tiền tệ/Currency: VND  
Chi tiết lịch sử giao dịch/Transaction History Details:

| STT/<br>No.                                    | Số giao<br>dịch/Transaction<br>Id | Ngày giao<br>dịch/Transaction<br>Date | Ngày hiệu<br>lực/Value<br>Date | Diễn giải/Remarks                            | Số tiền rút/Debit<br>Amount | Số tiền gửi/Credit<br>Amount | Số dư/Actual<br>Balance |
|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|
| 1                                              | FEE.C22082506<br>0274494551       | 29-08-2022<br>10:42:05                | 29-08-2022                     | PHI T08/2022-<br>060274494551-<br>ALERT.QLTK | 132.000                     |                              | 72.757.544              |
| 2                                              | 060274494551-<br>20220831         | 01-09-2022<br>00:44:41                | 31-08-2022                     | CHI LẠI TK TIỀN GỬI<br>060274494551          |                             | 1.238                        | 72.758.782              |
| Cộng phát sinh trong kỳ/ Total recorded amount |                                   |                                       |                                |                                              | 132.000                     | 1.238                        |                         |

Giao dịch đang xử lý/Unclear Transactions

PHẦN DÀNH CHO SACOMBANK/SACOMBANK'S SECTION

Kế toán/ Accountant

Trưởng đơn vị/ Approved by

Nguyễn Thị Thảo

Lê Văn Lộc

